TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2025/HS-ST
Ngày: 14-09-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ** và Bà **Huỳnh Thị Lệ .**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 08 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44 /2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 09 năm 2025 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Đoàn Văn K; sinh ngày: 14/07/2001 tại Đà Nẵng; HKTT: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; nơi ở hiện tại: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Đoàn Văn M và bà Nguyễn Thị T; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam H1 có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Lê Như Q; sinh ngày: 15/01/2001 tại Đà Nẵng; HKTT: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; nơi ở hiện tại: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa Giáo; con ông: Nguyễn Quang H và bà Lê Thị Thùy S; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án: chưa;

Tiền sự: 01 tiền sự

- Ngày 14/12/2022, Nguyễn Lê Như Q bị Tòa án nhân dân H. Hòa Vang, TP . ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số 27/QĐ-TA;

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an T6 có mặt tại phiên tòa.

.

3. Họ và tên: Lê Văn P ; sinh ngày: sinh ngày: 25/3/2001 tại Đà Nẵng; HKTT: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; nơi ở hiện tại: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn

giáo: Công giáo; con ông: Con ông: Lê Đình Đ và bà Nguyễn Thị B; gia đình bị can có 03 anh em, bị can là con thứ hai; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T1 (SN: 2002)

Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** anh Nguyễn Văn T2 (Sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, P. H (xã H, huyện H cũ), TP .).Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:

+Chị Lê Thanh T3 (sinh năm 2003; địa chỉ: đường T, P. H (P. Hòa Hiệp N, Q. L cũ), TP Đà Nẵng). Vắng mặt.

+Bà Lê Thị Thùy S (Sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), thành phố Đà Nẵng).Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h00 ngày 30/6/2024, Nguyễn Lê Như Q điều khiển 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, manh xe hai bên màu trắng gắn BKS 43H6-7682 chở Đoàn Văn K ngồi giữa và Lê Văn P ngồi sau cùng đi đến khu vực bờ kè đường N thuộc P. L (P. Hòa Khánh B1, Q. L cũ), thành phố Đà Nẵng để đi dạo. Khi đang di chuyển trên phương tiện này, P có hỏi K và Q có tiền không để đi uống nước thì K trả lời không có. Khi cả ba đến khu vực đường bờ kè thì dừng xe, lúc này K phát hiện thấy anh Nguyễn Văn T2 (Sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn N, P. H (xã H, huyện H cũ), TP .) cùng bạn gái là chị Lê Thanh T3 (sinh năm 2003; địa chỉ: đường T, P. H (P. Hòa Hiệp N, Q. L cũ), TP Đà Nẵng) đang ngồi tâm sự dưới bãi biển Đ thuộc P. H (P. H, quận L cũ), TP Đà Nẵng nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh T2 và chị T3. Ngay sau đó, K cầm 01 cái kéo bằng kim loại chuẩn bị trước đó đi bộ tiến đến vị trí của anh T2 và chị T3 đang ngồi, Q thấy vậy cũng đi theo Kiểm. P không biết cả hai xuống bãi biển để làm gì nên đứng đợi trên bờ kè đường N. Khi K cùng Q đến sát vị trí anh T2 và chị T3, K đã dùng 01 chiếc kéo bằng kim loại kề vào vùng cổ của T2 rồi khống chế, uy hiếp và nói "có tiền không đưa đây". Do hoảng sợ nên anh T2 lấy trong túi quần của mình ra 01 ví da đưa cho Q. Sau đó, Q lục ví lấy số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng, Q không nhớ rõ các mệnh giá tiền) rồi đưa lại ví da cho anh T2. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, K tiếp tục kề kéo vào vùng cổ của anh T2 và hỏi "có chừng đó thôi hà?". Anh T2 liền nói " em còn chiếc điện thoại di động đây", đồng thời đưa 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của mình cho Q. Tại thời điểm, K và Q thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T2, tuy trời tối nhưng vẫn có ánh đèn đường hắt đến nên P chỉ nhìn thấy được K và Q tiếp cận và có hành động khom người về phía anh T2, chị T3. Sau khi chiếm đoạt được tài sản thì K và Q đi bộ về vị trí P đang đứng chờ. Khi K và Q di chuyển về vị trí của P thì K vứt chiếc kéo tại bãi cát gần khu vực nơi K và Q vừa chiếm đoạt tài sản của anh T2, còn Q đưa cho K cất giữ số tiền 200.000 đồng vừa chiếm đoạt trên, Q vẫn giữ chiếc điện thoại Iphone 6 Plus rồi cả hai cùng di chuyển đi về lại chỗ P. Sau khi đến vị trí của P, K đưa số tiền vừa chiếm đoạt cho P cầm (P không nhớ cụ thể mệnh giá tiền), cất giữ vào túi quần P. Lúc này, P biết số tiền mà K vừa đưa là số tiền mà K

và Q vừa chiếm đoạt của đôi nam nữ kia do trước đó P có hỏi K và Q có tiền để đi uống nước không thì K trả lời không có. Ngay sau đó, P điều khiển xe máy chở K và Q di chuyển khỏi hiện trường. Khi di chuyển tẩu thoát được một đoạn, cả ba dừng lại tại đường N gần nơi xảy ra sự việc, do lo sợ việc giữ điện thoại sẽ bị phát hiện nên Q đã đi đến bãi cát và vứt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus vừa chiếm đoạt. Sau đó, P tiếp tục điều khiển xe máy trên chở K và Q đi đến quán nước mía trên đường N, rồi cả ba cùng tiêu xài hết số tiền vừa chiếm đoạt trên. Trong quá trình điều tra vẫn chưa thu hồi được chiếc kéo – Kiểm dùng để uy hiếp bị hại và 01 điện thoại di động Iphone 6 mà K và Q đã chiếm đoạt.

Ngày 02/02/2025, Đoàn Văn K đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ngày 11/02/2025, Nguyễn Lê Như Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T6 để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Đối với Lê Văn P, trong quá trình điều tra xác minh, P khai nhận, số tiền 200.000 đồng mà K đưa cho P vào tối ngày 30/6/2024 là số tiền P biết rõ việc K và Q chiếm đoạt từ đôi nam nữ tại bãi biển Đ có được. Sau đó, cả ba đã dùng hết số tiền trên cho việc uống nước tại quán nước mía ở vỉa hè trên đường N.

* Theo bản kết luận định giá số 07/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị 01 điện thoại di động Iphone 6 plus bị chiếm đoạt có trị giá 1.050.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

* Vật chứng thu giữ:

- 01 cái áo thun màu đỏ trên cổ áo có dán nhãn hiệu LYBERY và 01 cái quần rin ngắn màu đen, do Lê Văn P giao nộp.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682, số máy 1P50FMG320297167 do Nguyễn Lê Như Q giao nộp.

* Xử lý vật chứng:

- Đề nghị HĐXX tịch thu, tiêu hủy 01 cái áo thun màu đỏ trên cổ áo có dán nhãn hiệu LYBERY và 01 cái quần rin ngắn màu đen của Lê Văn P.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682: Qua điều tra xác định, nguồn gốc xe mô tô này là của ông Võ Duy K1 (Sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn S, xã B (xã H, H. H cũ, TP .) đăng ký chủ sở hữu. Đến năm 2015, ông K1 đã bán xe mô tô này cho bà Nguyễn Thị N (Sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), thành phố Đà Nẵng). Đến năm 2021, bà N tiếp tục bán xe mô tô này cho ông Lê Văn K2 (Sinh năm: 1980; địa chỉ: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), TP .). Sau đó ông K2 tiếp tục bán xe mô tô này cho bà Lê Thị Thùy S (Sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), thành phố Đà Nẵng) là mẹ của bị can Nguyễn Lê Như Q vào năm 2022. Ngày 30/6/2024, khi Q sử dụng phương tiện này để đến địa điểm gây án thì bà S không biết mục đích Q sử dụng phương tiện này để làm gì. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682 cho chủ sở hữu phương tiện là bà Lê Thị Thùy S.

* Về dân sự**:** Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Tại Cáo trạng số 19/CT-VKS-LC, ngày 18 tháng 08 năm 2025 của Viện kiểm sát Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo:

- Bị cáo **Đoàn Văn K, Nguyễn Lê Như Q** về tội *"Cướp tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015;

- Bị cáo **Lê Văn P** về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015;

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Đoàn Văn K **04** năm đến **05** năm tù .

- Áp dụng điểm điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Như Q** 03 năm 6 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 65 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Lê Văn P 09** đến **12** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường khắc phục và không có yêu cầu gì; riêng về hình phạt bị hại có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và Q.

* Xử lý vật chứng:

- Đề nghị HĐXX giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682 cho chủ sở hữu phương tiện là bà Lê Thị Thùy S.

- Đề nghị HĐXX tịch thu, tiêu hủy 01 cái áo thun màu đỏ trên cổ áo có dán nhãn hiệu LYBERY và 01 cái quần rin ngắn màu đen của Lê Văn P.

-Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, do nông nổi nhất thời nên đã vi phạm pháp luật, mong muốn HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

-Bà Lê Thị Thùy S đề nghị HĐXX tuyên trả lại xe mô tô cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 21h00 ngày 30/6/2024, tại khu vực bờ kè đường N thuộc P. L (P. Hòa Khánh B1, Q. L cũ), thành phố Đà Nẵng, Đoàn Văn K cùng Nguyễn Lê Như Q đã sử dụng 01 cái kéo bằng kim loại khống chế và uy hiếp anh Nguyễn

Văn T2 để chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus có trị giá 1.050.000 đồng, rồi K và Q nhanh chóng tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo K và Q đã bị chiếm đoạt của anh T2 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi K và Q thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T2, K đã đưa Lê Văn P cất giữ số tiền 200.000 đồng vừa chiếm đoạt trên. Mặc dù P biết rõ đây là số tiền mà K và Q thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T2 có được nhưng P vẫn đồng ý cất giữ rồi cùng K và Q tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Hành vi nêu trên của các bị cáo **Đoàn Văn K** cùng **Nguyễn Lê Như Q** phạm vào tội "*Cướp tài sản*" theo điểm d khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự 2015;

Bị cáo Lê Văn P về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Như bản Cáo trạng số 19/CT-VKS, ngày 18 tháng 08 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hiện nay, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang được các cơ quan tư pháp quan tâm và đặt mục tiêu đảm bảo tương đối tình trạng ổn định, an toàn trong nhân dân, tuy nhiên tình trạng cướp giật tài sản vẫn diễn biến khá phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trước thực trạng trên, yêu cầu tấn công, trấn áp, ngăn chặn kịp thời loại tội phạm này, nhằm đảm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho nhân dân được quan tâm kịp thời, cũng như phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện mạnh mẽ nhằm phát huy sức mạnh cho nhân dân đoàn kết trong phòng chống truy bắt tội phạm.

Trong vụ án này bị cáo Đoàn Văn K cùng Nguyễn Lê Như Q và Lê Văn P là người đủ năng lực tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công cụ thể, mang tính bộc phát nhất thời; nên là đồng phạm giản đơn; các bị cáo lợi dụng trời tối, đến địa điểm vắng người phát hiện người bị hại đang ngồi dưới bãi biển tâm sự nên bị cáo Kiểm tiến đến chỗ anh T2 chị T3, bị cáo K là người khởi xướng, trực tiếp thực hành dùng 01 cái kéo bằng kim loại kê vào cổ người bị hại, đe dọa, uy hiếp để chiếm đoạt tài sản, bị cáo Q tiếp thu ý chí cùng hỗ trợ cho K khi người bị hại giao ví tiền bị cáo lụt ví, lấy tài sản. Sau khi thực hiện xong K và Q đi lên đường và K đưa cho P (P biết rõ việc K và Q chiếm đoạt từ đôi nam nữ tại bãi biển Đ có được) cầm số tiền 200.000đ và cả 03 đi uống nước mía và tiêu xài hết số tiền nói trên.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án này bị cáo K là người cầm đầu, thực hành cho nên cần xử nghiêm khắc hơn so với bị cáo Q là người giúp sức; đối với bị cáo P là người cùng tiêu thụ số tiền mà bị cáo K và Q chiếm đoạt của người bị hại; Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, cho nên cần phải xử lý nghiêm, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo Đoàn Văn K, Nguyễn Lê Như Q trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo K thành khẩn khai báo; bị cáo K, Q sau khi biết sự việc, đã ra đầu thú và bị cáo K có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Đoàn Văn K, Nguyễn Lê Như Q được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS.

Bị cáo Lê Văn P trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ăn năn hối cải, bị cáo P từng tham gia nghĩa vụ quân sự, vợ bị cáo hiện đang mang thai tuần thứ 27; nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 BLHS.

Từ các nhận định nói trên: Đối với bị cáo K, Q xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo với lỗi cố ý, tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, cần phải cách ly các bị cáo K và Q ra ngoài xã hội một thời gian, để trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 của BLHS là có căn cứ.

Đối với bị cáo Lê Văn P, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; có đầy đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự để giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T2 không yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682 cho chủ sở hữu phương tiện là bà Lê Thị Thùy S là có căn cứ.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 cái áo thun màu đỏ trên cổ áo có dán nhãn hiệu LYBERY và 01 cái quần rin ngắn màu đen của Lê Văn P là có căn cứ.

[7] *Đối với những vấn đề khác trong vụ án, cụ thể:*

- *Đối với hành vi của Lê Văn P quá trình điều tra cho đến nay chưa đủ cơ sở để xác* định Lê Văn P đồng phạm tội với các bị cáo K và Q về tội Cướp tài sản theo Điều 168 BLHS. Bởi vì, bị cáo K, Q và P không có sự bàn bạc với nhau từ trước khi thực hiện hành vi Cướp tài sản vào tối ngày 30/6/2024 tại bờ biển nêu trên. Khi K và Q cùng nhau thực hiện hành vi Cướp tài sản thì P đứng ở trên đường không nhìn thấy rõ và cũng không trực tiếp tham gia thực hiện hành vi cho nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không khởi tố P về tội Cướp tài sản theo Điều 168 BLHS là có căn cứ.

- Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thùy S (Sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn A, P. H (xã H, H. H cũ), thành phố Đà Nẵng) – chủ sở hữu của 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682: Vào ngày 30/6/2024,

Nguyễn Lê Như Q đã sử dụng 01 xe mô tô này đi đến địa điểm trên để thực hiện hành vi "Cướp tài sản", tuy nhiên bà S không biết việc Q đã sử dụng phương tiện này để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Án phí sơ thẩm **:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng phình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo A và T4 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Tại phiên tòa đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng cơ bản phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh:

- Căn cứ: Điểm d, khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo **Đoàn Văn K** phạm tội "*Cướp tài sản*".

- Căn cứ: điểm d, **k**hoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Lê Như Q** phạm tội "*Cướp tài sản*".

- Căn cứ: **k**hoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo **Lê Văn P** phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn K 04** (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **02.02.2025**.

- Xử phạt**: Nguyễn Lê Như Q 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù**.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **17.03.2025**.

- Xử phạt**: Lê Văn P 12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách **24** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **14/09/2025.**

T5 giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự 2015.

- Tuyên giao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Dream, màu nâu, gắn BKS 43H6-7682 cho chủ sở hữu phương tiện là bà Lê Thị Thùy S.

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 cái áo thun màu đỏ trên cổ áo có dán nhãn hiệu LYBERY và 01 cái quần rin ngắn màu đen của Lê Văn P.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/9/2025 của phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4- Tp Đà Nẵng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm : Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng phình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo **Đoàn Văn K, Nguyễn Lê Như Q ,Lê Văn P** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích thể lệ án Treo)

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Ngẵng - Khu vực 4;
- CQCSĐT Tp Đà Nẵng;
- Phân trại Hòa Khánh;
-Trại Giam 01 TP Đà Nẵng
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng